TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 89/2024/QĐST-HNGĐ	*Hương Trà, ngày 29 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 79/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số G N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985; địa chỉ: Số G N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) vào ngày 26/02/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh L, chị H trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/8/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 31/01/2010 và Nguyễn Ngọc Vinh K, sinh ngày 12/8/2011. Anh L1, chị H thỏa thuận giao cháu H1, cháu K cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1, cháu K lần lượt đủ 18 tuổi; anh L1 cấp dưỡng cho con là cháu H1, cháu K mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu H1, cháu K lần lượt đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 31/01/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Vinh K, sinh ngày 12/8/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con cháu là cháu H1, cháu K mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng cho con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H1, cháu K lần lượt đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng cho con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không ai có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền anh L, chị H đã nộp theo biên lai số 1668 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Anh L1, chị H đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND phường Tứ Hạ (Số 12 ngày 26/02/2009);
- Các đương sự;
- Lưu dán;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh